

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22/5/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1990;

Hộ chiếu số: C5765970 do Cục QLXNC cấp ngày 26/7/2018;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Người được ủy quyền giao, nhận văn bản của nguyên đơn: Chị Hà Thu H, sinh năm 2001;

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1986;

Số định danh cá nhân: 030086005208;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Ma Cao

Chị N, anh L, chị H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G tỉnh Hải Dương vào ngày 03/4/2009. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được vài năm đầu; càng về sau vợ chồng chị ngày càng nảy sinh nhiều tranh cãi, mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu là do chị và anh L đều phải đi làm ăn xa ở nước ngoài, cả hai dần dần bất đồng quan điểm sống, tính cách của vợ chồng không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung và trở nên xa cách. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện tìm giải pháp nhưng không có kết quả. Chị và anh L đã sống ly thân nhiều năm nay và xác định không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L để sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung: Anh chị có ba con là Nguyễn Phạm Bảo Ng, sinh ngày 28/6/2009, Nguyễn Phạm Hà V, sinh ngày 22/4/2011 và Nguyễn Đức D, sinh ngày 10/4/2013. Hiện tại cả ba cháu đều đang ở cùng ông bà nội, để ổn định môi trường sinh hoạt, học tập của các cháu, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng giao ba cháu cho anh Nguyễn Văn L và ông bà nội các cháu chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ của anh L tại Macao; Tòa án đã xác minh thông qua gia đình anh L và yêu cầu gia đình anh L cung cấp địa chỉ của anh L. Bà Nguyễn Thị S là mẹ đẻ của anh L trình bày: Thời điểm chị N anh L kết hôn và quá trình vợ chồng anh chị chung sống như chị N trình bày là đúng. Năm 2013, anh L đi Macao làm ăn còn địa chỉ cụ thể thì bà không nắm được. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo cho anh L biết, quan điểm của anh L là đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, anh L không gửi văn bản thể hiện quan điểm mà chỉ trao đổi lại với bà. Vợ chồng anh L, chị N có 03 con chung như chị N trình bày là đúng, hiện 03 cháu đang ở cùng ông bà. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh L và gia đình bà đề nghị xin được nuôi cả 03 cháu. Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng cho các cháu theo quy định, trong thời gian anh L không có nhà, bà sẽ thay anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc các cháu.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn

Văn L. Về con chung, giao cho anh Nguyễn Văn L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Bảo Ng, sinh ngày 28/6/2009, cháu Nguyễn Phạm Hà V, sinh ngày 22/4/2011 và cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 10/4/2013 từ tháng 05/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh L đi lao động tại Macao, bố mẹ đẻ của anh L là ông D, bà S sẽ thay anh L chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Chị Phạm Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền con chung cùng anh L là 1.500.000 đồng/tháng/cháu kể từ tháng 05/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, vay nợ, các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, chị Phạm Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Văn L. Anh L hiện đang sinh sống và lao động tại Macao. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ của anh L tại Macao. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị N và gia đình anh L cung cấp địa chỉ của anh L nhưng không ai cung cấp được. Bà S là mẹ đẻ anh L xác định, các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho anh L biết, quan điểm của anh L là đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh L vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị N, anh L.

[4] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/4/2009. Việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị đều phải đi làm ăn xa dẫn đến bất đồng quan điểm sống, tính cách của vợ chồng không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay và xác định không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị N có đơn đề nghị được ly hôn, bà S là mẹ đẻ của anh L trình bày quan điểm của anh L là đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị N anh L đã trầm trọng, mục đích

hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N xin được ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị N, anh L có 03 con chung là Nguyễn Phạm Bảo Ng, sinh ngày 28/6/2009, Nguyễn Phạm Hà V, sinh ngày 22/4/2011 và Nguyễn Đức D, sinh ngày 10/4/2013. Chị N có ý kiến để anh L chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung. Cháu Ng, cháu V và cháu D đều có mong muốn được ở với anh L và ông bà nội. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của cháu Ng, cháu V và cháu D, Tòa án giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời gian anh L đi lao động không có mặt tại địa phương, bố mẹ đẻ của anh L là ông D, bà S sẽ thay anh L chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Chị Phạm Thị N không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh L là 1.500.000 đồng/tháng/cháu kể từ tháng 05/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi; chị N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung, vay nợ: Chị N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí, chị N có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân & Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn L được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Bảo Ng, cháu Nguyễn Phạm Hà V và cháu Nguyễn Đức D từ tháng 05/2024 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh L đi lao động không có mặt tại địa phương, bố mẹ đẻ của anh L là ông Di, bà S sẽ thay anh L chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Chị Phạm Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh L là 1.500.000 đồng/tháng/cháu kể từ tháng 05/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị N được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai

được cản trở.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị Phạm Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/000384 ngày 29/12/2023. Chị N đã nộp đủ án phí.

Chị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự..

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương
(*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn